

ANYRIDGE®

by MEGA'GEN



**CHUYÊN DÙNG CHO TÀI LỰC
TỨC THÌ VÀ XƯƠNG XỐP**



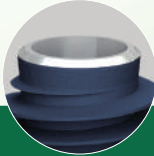
TOP 1 Implant Hàn Quốc xuất khẩu
sang châu Âu (Ý, Tây Ban Nha, Đức...) từ (2013–2023) và Mỹ (2020–2022)

Chứng nhận Clean Implant Trusted Quality trong 10 năm liền (2017–2026)
(Implant đạt tiêu chuẩn sạch và an toàn)



DOUBLE OFFSET ⁽¹⁾

Tăng bề dày mô mềm, tạo môi trường sinh học tối ưu

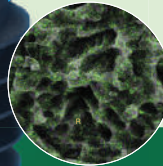


KẾT NỐI CÔN MORSE HÀN LẠNH - NGHIÊNG 5°

Kết nối vững chắc giữa Implant và phục hình.

THIẾT KẾ REN SÂU ⁽²⁾

Tăng diện tích tiếp xúc giữa xương và implant, tăng ổn định trong xương tuỷ.



Được chứng minh trên lâm sàng về tính an toàn, khả năng tích hợp xương nhanh. ⁽³⁾



THIẾT KẾ TRỤ THUÔN

Dễ dàng đặt implant & hỗ trợ tải lực tức thì

ĐƯỜNG KÍNH CHÓP IMPLANT NHỎ

Giúp phẫu thuật sang chấn tối thiểu, cấy được implant lớn hơn trong lỗ khoan xương nhỏ.

⁽¹⁾ Influence of the implant-abutment connection on the ratio between height and thickness of tissues at the buccal zenith: A randomized controlled trial on 188 implants placed in 104 patients.

⁽²⁾ The effect of increasing thread depth on the initial stability of dental implants: An in vitro study.

⁽³⁾ Early bone formation around immediately loaded implants with nanostructured calcium-incorporated and machined surface: a randomized, controlled histologic and histomorphometric study in the human posterior maxilla.

CÁCH LẤY IMPLANT ANYRIDGE

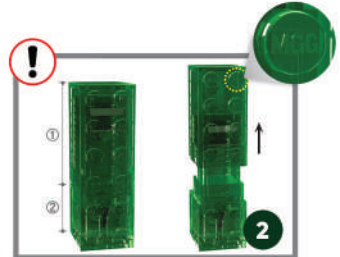


Tháo implant



1

Xé mở tem dây & lấy ampule ra.



2

Tách phần (1) & phần (2), như hình trên đây, để bộc lộ bên trong ampule chứa trụ implant.



3

Mở nhẹ nắp bên trên để thấy trụ implant



4



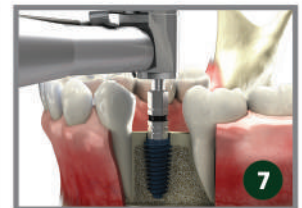
5

Kết nối tay khoan với trụ implant



6

Đảm bảo chắc chắn rằng trụ đã được kết nối hoàn toàn, sau đó tháo rời hoàn toàn.



7

Tháo Cover Screw



8

Tách phần chứa trụ khỏi phần bên dưới, như hình bên trên, để bộc lộ cover screw(3)



9

Dùng driver vận bằng tay để lấy cover screw

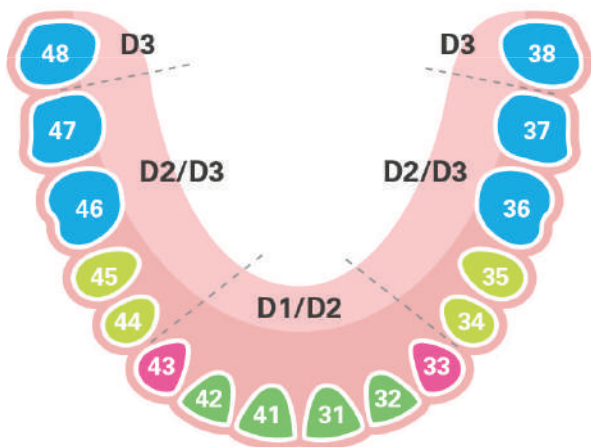
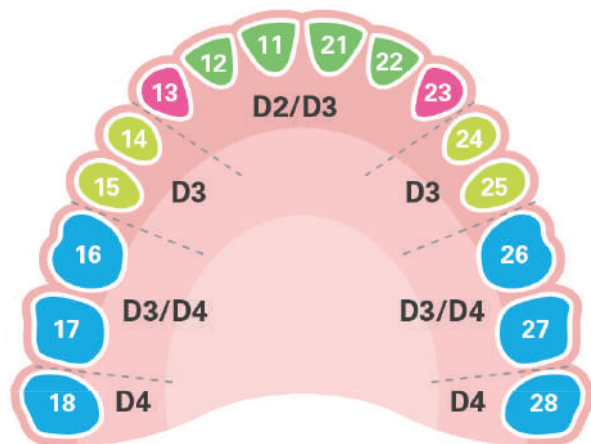


10

Siết cover screw vào trụ Implant

MegaGen Ampule – sưu tập và lắp ghép logo thành những mô hình độc đáo!

HƯỚNG DẪN CHỌN ĐƯỜNG KÍNH IMPLANT ANYRIDGE TRÊN TỪNG VỊ TRÍ RĂNG



Răng hàm thường chịu lực ăn nhai mạnh nên để hạn chế nứt/ vỡ cổ implant sau 1 thời gian dài sử dụng, hãy đưa ra bảng khuyến nghị cách chọn đường kính lõi implant để đảm bảo khả năng tồn tại lâu dài.

Hàm trên & Hàm dưới					
Răng Số	Loại Răng	Độ Đặc Xương	Đường Kính Lõi	Kích Thước Implant	Lưu Ý
1.1, 2.1	Răng cửa giữa	D2/D3	c2.8, c3.3	Ø3.5, Ø4.0	c2.8: Ø3.5 c3.3: Ø4.0
3.1, 4.1		D1/D2	c2.8	Ø3.5	
1.2, 2.2 3.2, 4.2	Răng cửa bên	D2/D3	c2.8	Ø3.5	
1.3, 2.3 3.3, 4.3	Răng nanh	D2/D3	c3.3, c3.8	Ø4.0, Ø4.5	c3.8: từ Ø4.5 trở lên
1.4, 2.4 1.5, 2.5	Răng cối nhỏ	D3	c3.8	Ø4.5, Ø5.0, Ø5.5	
3.4, 4.4 3.5, 4.5		D2/D3	c3.8		
1.6, 2.6 1.7, 2.7	Răng cối lớn thứ 1, 2	D3/ D4	c4.0, c4.3, c4.8	Ø5.0, Ø5.5, Ø6.0	
3.6, 4.6 3.7, 4.7		D2/D3			
1.8, 2.8	Răng cối lớn thứ ba/ răng khôn	D4	c4.0, c4.3, c4.8	Ø4.5, Ø5.0, Ø5.5, Ø6.0	
3.8, 4.8		D3			

LƯU Ý:

- Với ổ nhỏ răng lớn ở vị trí răng cối lớn thứ hai, khuyến nghị dùng implant AnyRidge có lõi 4.8mm và ren sâu để tăng độ ổn định sơ khởi.
- Vùng răng cối lớn: nên chọn implant có đường kính lõi từ Ø3.8 trở lên (≥ 4.0 càng tốt).

Tài liệu tham khảo: Thông tin từ nhà sản xuất MegaGen.

Dr. Davide Faronato - Chiến lược cấy ghép implant. Lập kế hoạch điều trị & Kiến thức cần nắm.

IMPLANT ANYRIDGE

IMPLANT ANYRIDGE



Đường kính trụ	Đường kính lõi	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø4.0	Ø3.3	7	FANIHX4007C
		8.5	FANIHX4008C
		10	FANIHX4010C
		11.5	FANIHX4011C
		13	FANIHX4013C
		15	FANIHX4015C

Đường kính trụ	Đường kính lõi	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø5.0	Ø3.3	7	FANIHX5007C
		8.5	FANIHX5008C
		10	FANIHX5010C
		11.5	FANIHX5011C
		13	FANIHX5013C
		15	FANIHX5015C
	Ø3.8	7	AR385007C
		8.5	AR385008C
		10	AR385010C
		11.5	AR385011C
		13	AR385013C
		15	AR385015C

Đường kính trụ	Đường kính lõi	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø3.5	Ø2.8	7	FANIHX3507C
		8.5	FANIHX3508C
		10	FANIHX3510C
		11.5	FANIHX3511C
		13	FANIHX3513C
		15	FANIHX3515C

Đường kính trụ	Đường kính lõi	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø4.5	Ø3.3	7	FANIHX4507C
		8.5	FANIHX4508C
		10	FANIHX4510C
		11.5	FANIHX4511C
		13	FANIHX4513C
		15	FANIHX4515C
	Ø3.8	7	AR384507C
		8.5	AR384508C
		10	AR384510C
		11.5	AR384511C
		13	AR384513C
		15	AR384515C

Đường kính trụ	Đường kính lõi	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø5.0	Ø4.0	7	FANIHX5007SC
		8.5	FANIHX5008SC
		10	FANIHX5010SC
		11.5	FANIHX5011SC
		13	FANIHX5013SC
		15	FANIHX5015SC
	Ø4.3	7	AR435007C
		8.5	AR435008C
		10	AR435010C
		11.5	AR435011C
		13	AR435013C
		15	AR435015C

IMPLANT ANYRIDGE

IMPLANT ANYRIDGE

Đường kính trụ Đường kính lõi Chiều dài Mã sản phẩm

Ø5.5	Ø3.3	7	FANIHX5507C
		8.5	FANIHX5508C
		10	FANIHX5510C
		11.5	FANIHX5511C
		13	FANIHX5513C
		15	FANIHX5515C
	Ø3.8	7	AR385507C
		8.5	AR385508C
		10	AR385510C
		11.5	AR385511C
		13	AR385513C
		15	AR385515C
	Ø4.0	7	FANIHX5507SC
		8.5	FANIHX5508SC
		10	FANIHX5510SC
		11.5	FANIHX5511SC
		13	FANIHX5513SC
		15	FANIHX5515SC
Ø5.5 (ĐẶT TRƯỚC)	Ø4.3	7	AR435507C
		8.5	AR435508C
		10	AR435510C
		11.5	AR435511C
		13	AR435513C
		15	AR435515C
	Ø4.8	7	AR485507C
		8.5	AR485508C
		10	AR485510C
		11.5	AR485511C
		13	AR485513C
		15	AR485515C

Đường kính trụ Đường kính lõi Chiều dài Mã sản phẩm

Ø6.0 (ĐẶT TRƯỚC)	Ø4.0	7	AR406007C
		8.5	AR406008C
		10	AR406010C
		11.5	AR406011C
		13	AR406013C
	Ø4.3	7	AR436007C
		8.5	AR436008C
		10	AR436010C
		11.5	AR436011C
		13	AR436013C
	Ø4.8	7	FALIHX6007C
		8.5	FALIHX6008C
		10	FALIHX6010C
		11.5	FALIHX6011C
		13	FALIHX6011C

Đường kính trụ Đường kính lõi Chiều dài Mã sản phẩm

Ø6.5 (ĐẶT TRƯỚC)	Ø4.8	7	FALIHX6507C
		8.5	FALIHX6508C
		10	FALIHX6510C
		11.5	FALIHX6511C
		13	FALIHX6513C

Đường kính trụ Đường kính lõi Chiều dài Mã sản phẩm

Ø7.0 (ĐẶT TRƯỚC)	Ø4.8	7	FALIHX7007C
		8.5	FALIHX7008C
		10	FALIHX7010C
		11.5	FALIHX7011C
		13	FALIHX7013C

Đường kính trụ Đường kính lõi Chiều dài Mã sản phẩm

Ø8.0 (ĐẶT TRƯỚC)	Ø4.8	7	FALIHX8007C
		8.5	FALIHX8008C
		10	FALIHX8010C
		11.5	FALIHX8011C
		13	FALIHX8013C

Đường kính trụ Đường kính lõi Chiều dài Mã sản phẩm

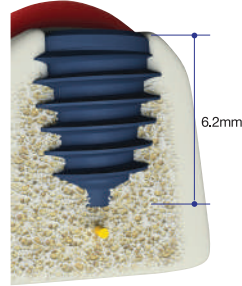
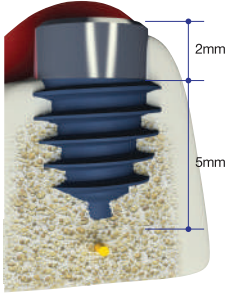
Ø7.5 (ĐẶT TRƯỚC)	Ø4.8	7	FALIHX7507C
		8.5	FALIHX7508C
		10	FALIHX7510C
		11.5	FALIHX7511C
		13	FALIHX7513C

IMPLANT ANYRIDGE

IMPLANT ANYRIDGE

IMPLANT ANYRIDGE - GIẢI PHÁP IMPLANT NGẮN

Dành cho các ca đặc biệt, giới hạn chiều cao xương theo chiều đứng
(Chiều cao xương tối thiểu: 5 / 6mm)



ĐƯỜNG KÍNH TRỤ				
Ø3.5	Ø4.0	Ø4.5	Ø5.0	Ø5.5
Lõi 3.3				
Lõi 3.8				
Lõi 4.3				
Lõi 4.8				

ĐƯỜNG KÍNH TRỤ				
Ø3.5	Ø4.0	Ø4.5	Ø5.0	Ø5.5
Lõi 3.3				
Lõi 3.8				
Lõi 4.0				
Lõi 4.3				
Lõi 4.8				

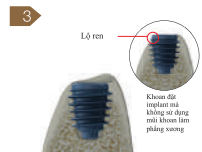
» Protocol trình tự khoan



Mũi khoan làm phẳng đảm bảo độ sâu & vị trí khoan chính xác giúp đặt implant chuẩn xác.
(Nếu đường kính mũi khoan sau cùng là Ø2.0~Ø4.3, thì sử dụng housing Ø5.0. Nếu đường kính mũi khoan sau cùng là Ø4.8 hoặc Ø5.4, thì sử dụng housing Ø6)



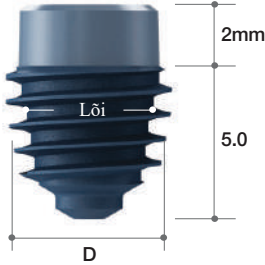
Trình tự khoan nên cân nhắc dựa trên kích thước trụ Implant & mật độ xương.



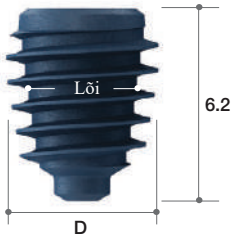
Đặt trụ implant sử dụng tay khoan & kết nối ratchet.

IMPLANT ANYRIDGE (NGẮN)

IMPLANT ANYRIDGE



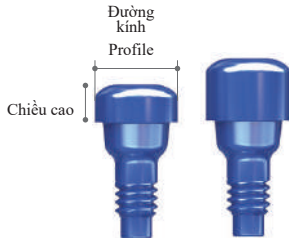
Đường kính trụ	Đường kính lõi	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø3.5	3.3	5	AR333505C
Ø4.0	3.3		AR334005C
Ø4.5	3.3		AR334505C
	3.8		AR384505C
Ø5.0	3.3		AR335005C
	3.8		AR385005C
	4.3		AR435005C
Ø5.5	3.3		AR335505C
	3.8		AR385505C
	4.3		AR435505C
	4.8		AR485505C



Đường kính trụ	Đường kính lõi	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø5.0	3.3	6.2	FANIH5007C
	3.8		AR385007C
	4.0		FANIH5007SC
	4.3		AR435007C
Ø5.5	3.3		FANIH5507C
	3.8		AR385507C
	4.0		FANIH5507SC
	4.3		AR435507C
	4.8		AR485507C

NẮP ĐẬY LÀNH THƯƠNG

IMPLANT ANYRIDGE



Cover Screw

Độ torque khuyến nghị:
bằng tay (5 - 8Ncm)

Đường kính Chiều cao Mã sản phẩm

Ø3.5	1.6	AANCSF3516
	2.6	AANCSF3526



Healing

Độ torque khuyến nghị:
bằng tay (5 - 8Ncm)

Chiều cao Mã sản phẩm

Ø4.0	3	AANHAF0403
	4	AANHAF0404
	5	AANHAF0405
	6	AANHAF0406
	7	AANHAF0407

Đường kính Chiều cao Mã sản phẩm

Ø5.0	3	AANHAF0503
	4	AANHAF0504
	5	AANHAF0505
	6	AANHAF0506
	7	AANHAF0507

Đường kính Chiều cao Mã sản phẩm

Ø6.0	3	AANHAF0603
	4	AANHAF0604
	5	AANHAF0605
	6	AANHAF0606
	7	AANHAF0607

Đường kính Chiều cao Mã sản phẩm

Ø7.0	3	AANHAF0703
	4	AANHAF0704
	5	AANHAF0705
	6	AANHAF0706
	7	AANHAF0707

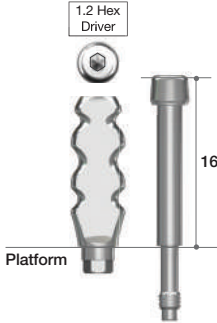
Đường kính Chiều cao Mã sản phẩm

Ø8.0	3	AANHAF0803
	4	AANHAF0804
	5	AANHAF0805
	6	AANHAF0806
	7	AANHAF0807

LẤY DẤU TRUYỀN THỐNG

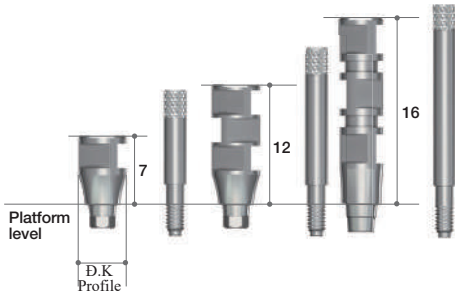
IMPLANT ANYRIDGE

Impresion Coping (Lấy dấu khay đóng)



Đường kính	Chiều cao (mm)	Mã sản phẩm
Ø4.0	12	AANITH4012T
	16	AANITH4016T
Ø5.0	12	AANITH5012T
	16	AANITH5016T

Impression Coping (Lấy dấu khay mở)



Đường kính	Chiều cao (mm)	Mã sản phẩm
Ø4.0	7	AANIPH4007T
	12	AANIPH4012T
	16	AANIPH4016T
Ø5.0	7	AANIPH5007T
	12	AANIPH5012T

Lab analog



Đường kính	Màu sắc	Mã sản phẩm
Ø4.0 ~ Ø5.5	Blue	AANLAF4055
Ø6.0 ~ Ø8.0	Yellow	AALLAF6080

LẤY DẤU KỸ THUẬT SỐ

IMPLANT ANYRIDGE



Scan Abutment

Đường kính	Chiều cao (mm)	Mã sản phẩm
Ø4.0	9	AANISR4009T
	13	AANISR4013T

Scan Healing Abutment

Đường kính	Chiều cao (mm)	Mã sản phẩm
Ø4.0	4	ARISH4004T
	5	ARISH4005T
	7	ARISH4007T
Ø5.0	4	ARISH5004T
	5	ARISH5005T
	7	ARISH5007T



Đóng gói: 10 cái/ bịch

Scan Post

Đường kính	Chiều cao (mm)	Mã sản phẩm
Ø4.0	6.5	SP4007.MTN
Ø5.0		SP5007.MTN
Ø6.0		SP6007.MTN
Ø7.0		SP7007.MTN



Lab analog digital

Đường kính	Chiều cao (mm)	Mã sản phẩm
Ø4.0	9	ARIALT

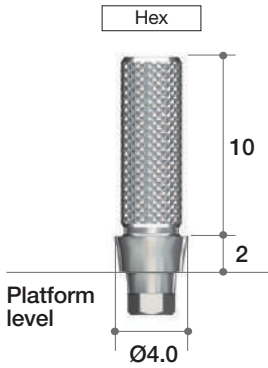
Scan Post Carrier

Sử dụng để kết nối với đầu của Scan post

Đường kính	Chiều cao (mm)	Mã sản phẩm
Ø5.0	19	SPC16

PHỤC HÌNH TẠM

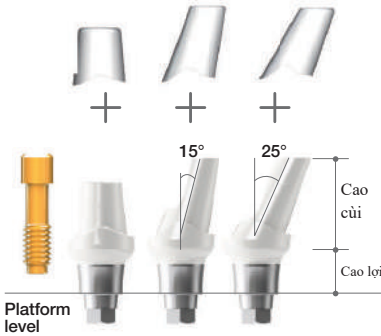
IMPLANT ANYRIDGE



Temporary Abutment

Độ torque khuyến nghị : 25Ncm

Đường kính	Chiều cao lợi	Mã sản phẩm
Ø4.0	2	AANTMH4012T



Fuse Abutment

Độ torque khuyến nghị : 25Ncm

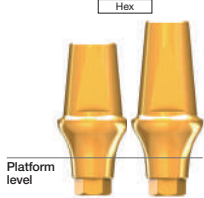
Đường kính Má - lưỡi	Đường kính Gắn - xa	Cao lợi (mm)	Cao cùi (mm)	Loại	Mã
Ø5.5	Ø5.5	4	5.5	Thẳng	AFAP5545P
	Ø4.5		7	15°	AFAA5415P
				25°	AFAA5425P

PHỤC HÌNH SAU CÙNG

IMPLANT ANYRIDGE

EZ Post Abutment

Độ torque khuyến nghị : 35Ncm

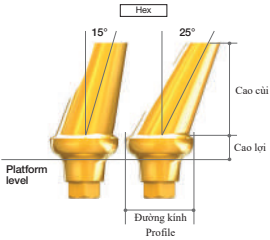


Dương kính	Chiều cao lợi	Chiều cao củi	Mã sản phẩm
Ø4.0	2	5.5	AANEPH4025L
	3		AANEPH4035L
	4		AANEPH4045L
	5		AANEPH4055L
	2	7	AANEPH4027L
	3		AANEPH4037L
	4		AANEPH4047L
	5		AANEPH4057L
Ø5.0	2	5.5	AANEPH5025L
	3		AANEPH5035L
	4		AANEPH5045L
	5		AANEPH5055L
	2	7	AANEPH5027L
	3		AANEPH5037L
	4		AANEPH5047L
	5		AANEPH5057L

Dương kính	Chiều cao lợi	Chiều cao củi	Mã sản phẩm
Ø6.0	2	5.5	AANEPH6025L
	3		AANEPH6035L
	4		AANEPH6045L
	5		AANEPH6055L
	2	7	AANEPH6027L
	3		AANEPH6037L
	4		AANEPH6047L
	5		AANEPH6057L
Ø7.0 DÂY TRƯỚC	2	5.5	AANEPH7025L
	3		AANEPH7035L
	4		AANEPH7045L
	5		AANEPH7055L
	2	7	AANEPH7027L
	3		AANEPH7037L
	4		AANEPH7047L
	5		AANEPH7057L

Angled Abutment (Abutment nghiêng)

Độ torque khuyến nghị : 35Ncm



Dương kính	Chiều cao lợi	Chiều cao củi	Góc	Mã sản phẩm
Ø4.0	2	7	15°	AANAAH4215L
	3			AANAAH4315L
	4			AANAAH4415L
	5			AANAAH4515L
	2	7	25°	AANAAH4225L
	3			AANAAH4325L
	4			AANAAH4425L
	5			AANAAH4525L
Ø5.0	2	7	15°	AANAAH5215L
	3			AANAAH5315L
	4			AANAAH5415L
	5			AANAAH5515L
	2	7	25°	AANAAH5225L
	3			AANAAH5325L
	4			AANAAH5425L
	5			AANAAH5525L

Dương kính	Chiều cao lợi	Chiều cao củi	Góc	Mã sản phẩm
Ø6.0	2	7	15°	AANAAH6215L
	3			AANAAH6315L
	4			AANAAH6415L
	5			AANAAH6515L
	2	7	25°	AANAAH6225L
	3			AANAAH6325L
	4			AANAAH6425L
	5			AANAAH6525L
Ø7.0 DÂY TRƯỚC	2	7	15°	AANAAH7215L
	3			AANAAH7315L
	4			AANAAH7415L
	5			AANAAH7515L
	2	7	25°	AANAAH7225L
	3			AANAAH7325L
	4			AANAAH7425L
	5			AANAAH7525L

ZrGen Abutment (Tibase)

Độ torque khuyến nghị : 35 Ncm



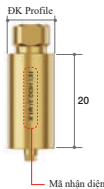
Dương kính	Chiều cao lợi	Chiều cao củi	Mã sản phẩm
Ø4.0	0.6	4.5	AANIPR4015.MTN
	1.5	4.5	AANIPR4025.MTN
		6	AANIPR4026.MTN
	3.0	6	AANIPR4036.MTN

Dương kính	Chiều cao lợi	Chiều cao củi	Mã sản phẩm
Ø4.5	0.6	4.5	AANIPR4515.MTN
		6	AANIPR4516.MTN
		8	AANIPR4518.MTN
	1.5	4.5	AANIPR4525.MTN
		6	AANIPR4526.MTN
		8	AANIPR4528.MTN

Tigen Abutment (Premil)

Độ torque khuyến nghị : 35Ncm

Dương kính	Mã sản phẩm
Ø12	ARTR1220.MTN



CCM Abutment

Độ torque khuyến nghị : 35Ncm

Dương kính	Chiều cao lợi	Chiều cao củi	Mã sản phẩm
Ø4.0	1	11	AANCAH4012L



MULTI-UNIT

IMPLANT ANYRIDGE

Multi - Unit Abutment

Độ torque khuyến nghị: 35Ncm



Chiều cao lợi (mm)

Mã sản phẩm

1.5	MUAARN0015C
2.5	MUAARN0025C
3.5	MUAARN0035C
4.5	MUAARN0045C

Multi-unit Angled Abutment (17°)

Độ torque khuyến nghị: 25Ncm



Chiều cao lợi

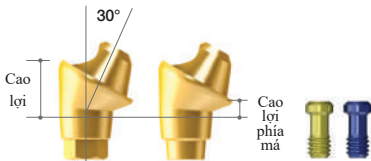
Loại

Mã sản phẩm

2.5 (1.1)	Hex	MUAARH1725LC
3.5 (2.1)		MUAARH1735LC
4.5 (3.1)		MUAARH1745LC
2.5 (1.1)	Non-Hex	MUAARN1725LC
3.5 (2.1)		MUAARN1735LC
4.5 (3.1)		MUAARN1745LC

Multi-unit Angled Abutment (30°)

Độ torque khuyến nghị: 25Ncm



Chiều cao lợi

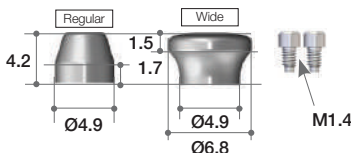
Loại

Mã sản phẩm

3.5 (1.1)	Hex	MUAARH3035LC
4.5 (2.1)		MUAARH3045LC
3.5 (1.1)	Non-Hex	MUAARN3035LC
4.5 (2.1)		MUAARN3045LC

Healing Cap Multi-unit

Độ torque khuyến nghị: 25Ncm



Loại

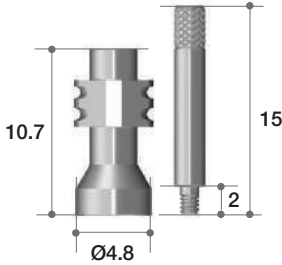
Mã sản phẩm

Regular	MUAHCL
Wide	MUAHCWL

LẤY DẤU MULTI-UNIT

IMPLANT ANYRIDGE

Impression Coping (Lấy dấu truyền thống)



Kết nối

Mã sản phẩm

Non-Hex

MUAICT

Lab analog

(Lấy dấu truyền thống/ kỹ thuật số)



Loại

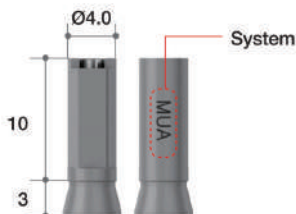
Mã sản phẩm

Multi-unit Abutment(Nobel)

MUAALT

Scan Abutment (Lấy dấu kỹ thuật số)

Độ torque khuyến nghị:
Bằng tay (5~8Ncm)



Đường kính

Chiều cao

Mã sản phẩm

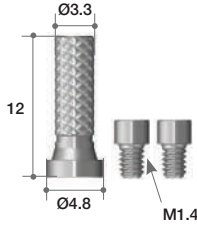
Ø4.0

13

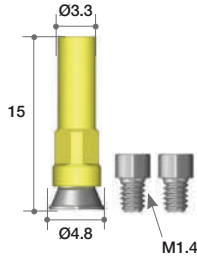
AMUASR4013T

PHỤC HÌNH MULTI-UNIT

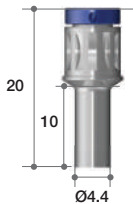
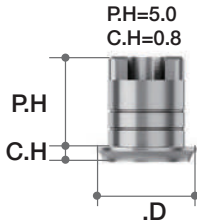
IMPLANT ANYRIDGE



Có bán lẻ vít Cylinder screws (Mã: MUAS)



Có bán lẻ vít Cylinder screws (Mã: MUAS)



Multi Unit Driver (cây vặn Multi thẳng)

Đường kính	Chiều cao	Mã sản phẩm
Ø2.0	10	MUD10

Temporary Cylinder

Độ torque khuyến nghị: 15Ncm

Kết nối	Mã sản phẩm
Non-Hex	MUATCL

CCM Cylinder (truyền thống)

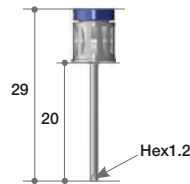
Độ torque khuyến nghị: 15Ncm

Kết nối	Mã sản phẩm
Non-Hex	MUACCML

ZrGen Abutment (kỹ thuật số)

Độ torque khuyến nghị: 35Ncm

Đường kính	Cao lợi	Cao cùi	Mã
Ø5.5	5	N Type	AMUAPR5515N.MTN
	6		AMUAPR5516N.MTN



Removal Driver (cây tháo Multi nghiêng)

Độ torque khuyến nghị: dưới 30 Ncm

Đường kính	Chiều cao	Mã sản phẩm
Ø1.2	20	MURD20

HÀM THÁO LẮP

IMPLANT ANYRIDGE

MEG-LOC

(Yêu cầu: cắm trục implant phải tuyệt đối thẳng)

Meg-Loc abutment

Khả năng bù trừ góc mỗi bên là 20° (2 bên là 40°)
Độ torque khuyến nghị: 35Ncm



Chiều cao lợi	Mã sản phẩm
0	MLAR00
1.0	MLAR01
2.0	MLAR02
3.0	MLAR03
4.0	MLAR04
5.0	MLAR05
6.0	MLAR06

Tay tháo Meg-Loc



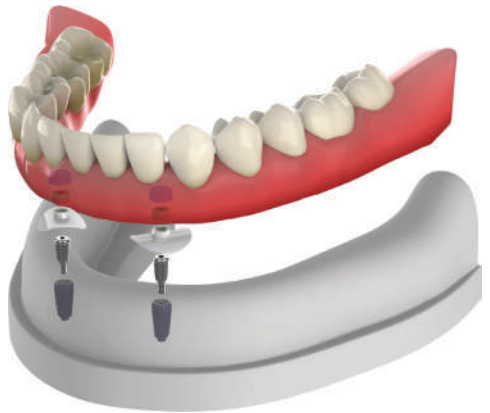
Mã sản phẩm
MLMT

Meg-Loc package

Gồm 1 Titanium Housing, 1 Block Out Spacer, 4 Pekkton Retention Inserts



Chiều cao lợi	Mã sản phẩm
4.0	MLAR04P



ƯU ĐIỂM:

- Giữ được độ chắc chắn cho bệnh nhân
- Đầu ron ít bị hỏng
- Đầu housing bác sĩ có thể sử dụng nhựa tự cứng hoặc thanh bar
- Hàm tháo lắp không bị tì đè trên mô mềm của những bệnh nhân

LƯU Ý: Ron chỉ sử dụng nước lạnh để rửa

- Ron cao su hỗ trợ cho bệnh nhân ăn nhai chắc chắn không bị lắc hàm
- Tiết kiệm chi phí cho bệnh nhân
- Có thể sử dụng được trên multi
- Giải quyết được vấn đề đau đầu giữa multi và ball

HÀM THÁO LẮP

IMPLANT ANYRIDGE

MEG-BALL

(Có thể sử dụng trong trường hợp bác sĩ cắm nghiêng tối đa 15 độ)

Meg ball abutment

Độ torque khuyến nghị: 35Ncm



Chiều cao lợi	Mã sản phẩm
0	MBAR00
1.0	MBAR10
2.0	MBAR20
3.0	MBAR30
4.0	MBAR40
5.0	MBAR50

Metal Housing

1 Metal Housing, 1 Retentive Ring

Metal Housing Retentive Ring



Ø5.0

Mã sản phẩm

MBHR

Meg-Ball Package

Bao gồm Meg-Ball Abutment/
Metal Housing Set/
Housing Positioner (0°, 5°, 10°, 15°)



Chiều cao lợi	Mã sản phẩm
1.0	MBAR10P
2.0	MBAR20P
3.0	MBAR30P
4.0	MBAR40P

Retentive Ring

Retentive Ring



Số lượng	Mã sản phẩm
5	MBR5
10	MBR10

Ball Drive

Để siết Ball abutment vào trụ implant bên dưới, có thể kết nối với tay khoan, tay vặn Ratchet hoặc Torque Wrench



Loại	Mã sản phẩm
Toque Driver (Short)	TBT250S
Toque Driver (Long)	TBT250L



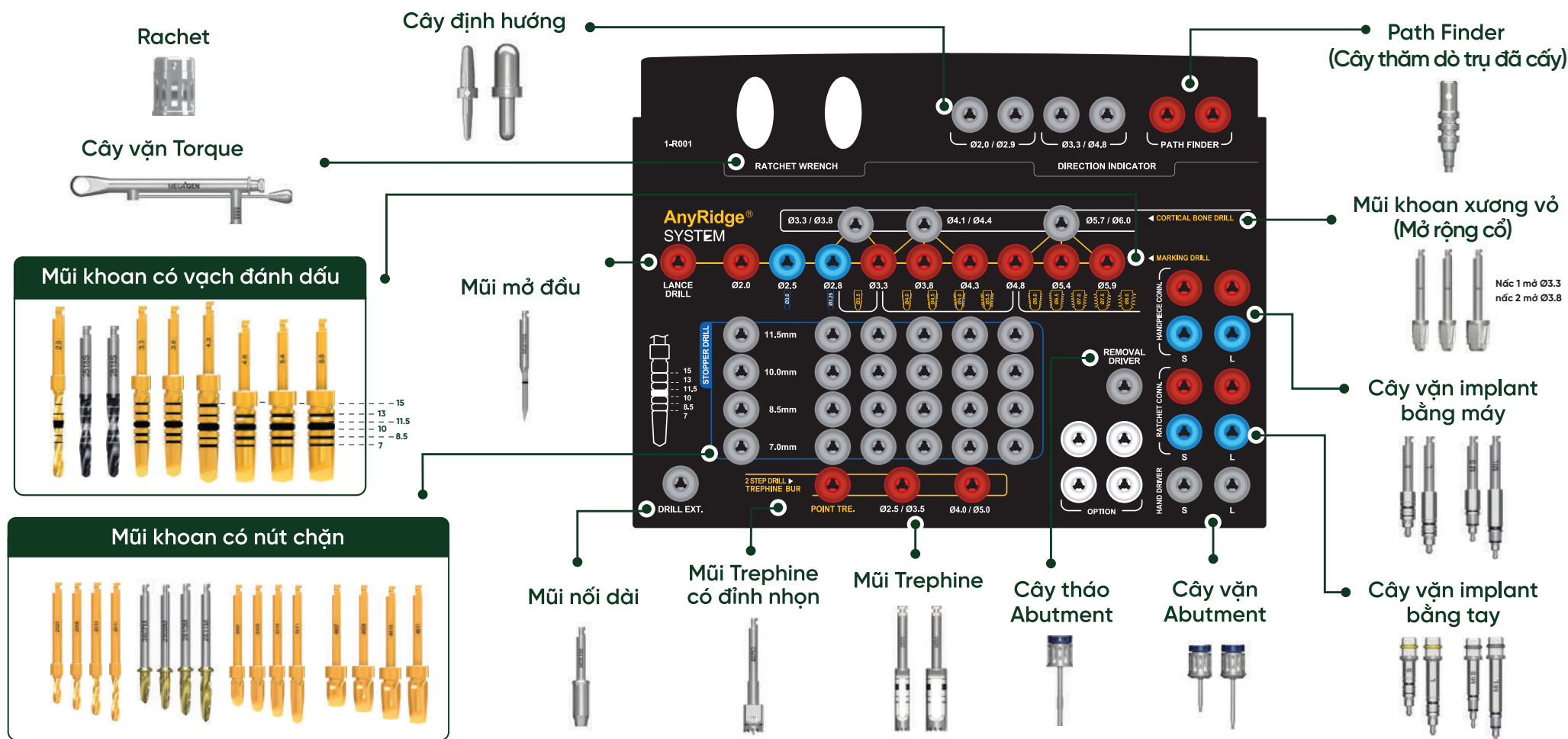
ƯU ĐIỂM:

- Giữ được độ chắc chắn cho bệnh nhân
- Đầu ron ít bị hỏng
- Đầu housing bác sĩ có thể sử dụng nhựa tự cứng hoặc thanh bar
- Hàm tháo lắp không bị tì đè trên mô mềm của những bệnh nhân

LƯU Ý: Ron chỉ sử dụng nước lạnh để rửa

- Ron cao su hỗ trợ cho bệnh nhân ăn nhai chắc chắn không bị lắc hàm
- Tiết kiệm chi phí cho bệnh nhân
- Có thể sử dụng được trên multi
- Giải quyết được vấn đề đau đầu giữa multi và ball

KIT IMPLANT ANYRIDGE



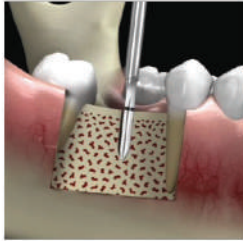
Tên	Mã	Giá
Hand Driver (Dài 20mm)	TCMHDE1200	1,680,000đ
Hand Driver (Dài 30mm)	TCMHDS1200	1,680,000đ
Torque Wrench (~45Ncm)	MTW300A	4,950,000đ
Lance Drill (Mũi mở đầu)	MGD100L	2,150,000đ
Drill Extension	MDE150	2,180,000đ

Tên	Mã	Giá
Handpiece Connector: Cây vận (Long)	TANHCL	2,780,000đ
Handpiece Connector: Cây vận (Short)	TANHCS	2,780,000đ
Ratchet Connector: Cây vận (Long)	TANRE	1,275,000đ
Abutment Removal Driver: Cây tháo abutment (Short)	TANMRD18	1,680,000đ
Abutment Removal Driver: Cây tháo abutment (Long)	TANMRD25	1,680,000đ

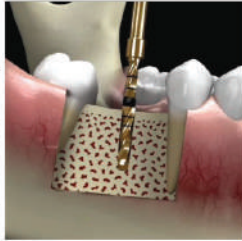
PROTOCOL CẮM IMPLANT ANYRIDGE

1. ĐỐI VỚI XƯƠNG D1, D2

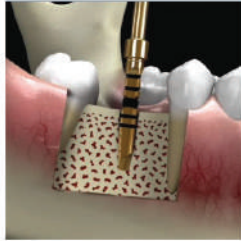
AR : Ø4.5 X10MM CORE 3.3



Lance Drill



Ø2.0 chiều dài 10mm



Ø2.5 chiều dài 10mm



Ø2.8 chiều dài 10mm



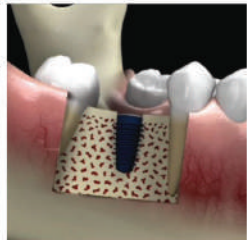
Ø3.3 chiều dài 10mm



Ø3.8 chiều dài 10mm



Ø4.3 chiều dài 10mm



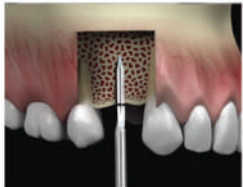
Đặt implant



Lưu ý: Trước khi đặt implant dùng mũi mở cổ (Cortical Bone Drill) làm rộng phần cổ implant theo vạch quy định. Hoặc dùng mũi Ø4.8 chiều dài 10mm

2. ĐỐI VỚI XƯƠNG D3

AR : Ø4.5 X10MM CORE 3.3



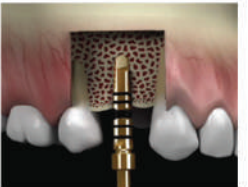
Lance Drill



Ø2.0 chiều dài 10mm



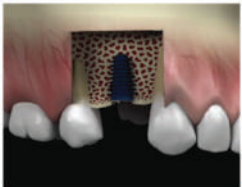
Ø2.5 chiều dài 10mm



Ø2.8 chiều dài 10mm



Ø3.3 chiều dài 10mm

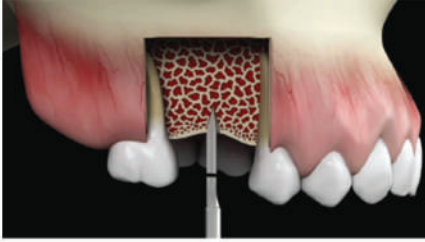


Đặt implant

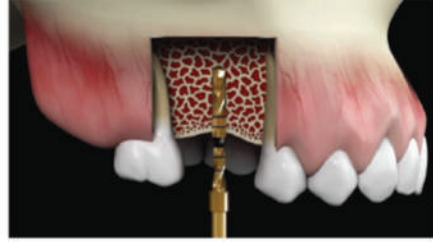


3. ĐỐI VỚI XƯƠNG D4~5

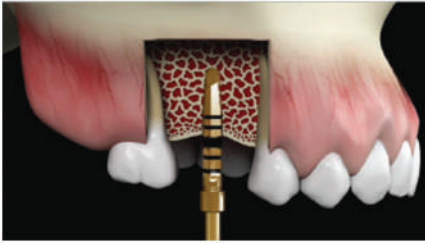
AR : Ø4.5 X10MM CORE 3.3



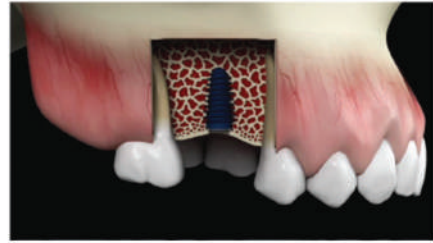
Lance Drill



Ø2.0 chiều dài 10mm



Ø2.5 chiều dài 10mm



Đặt implant

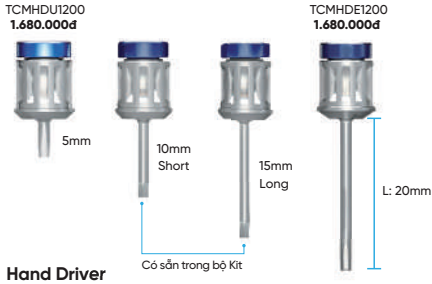
4. LƯU Ý CHUNG:

- Mỗi core sẽ có sự khác biệt về Protocol
- Nếu khoan đúng chiều dài thực tế ghi trên nhãn Implant sẽ âm xương từ 0.8-1mm (tùy theo size implant).
- Thông thường implant có lõi lớn hơn như 3.8, 4.0, 4.3... được dùng cho vị trí răng cối.
- Implant có Ø ≤ 3.5(core 2.8), lực torque ≤ 50Ncm, vượt quá gây ra biến dạng, nứt vỡ implant.
- Implant (Ø 4.0 trở lên) lực khuyến cáo 40Ncm, giới hạn biến dạng là 80Ncm.



	[35NCm]	[50NCm]	[100NCm]	[150NCm]	[200NCm]
AnyRidge (ø3.5)					
	411.0MPa	443.6MPa	1041.4MPa	1298.0MPa	1343.5MPa

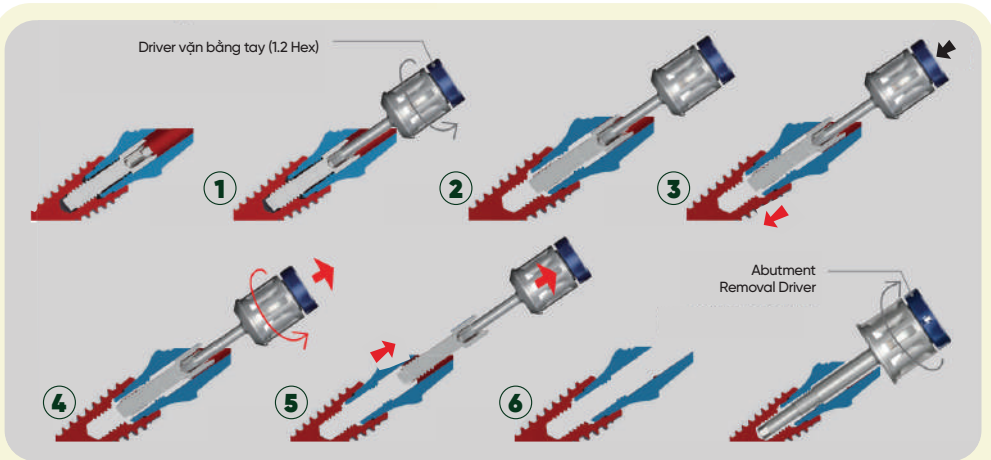
LƯU Ý KHI THẢO ABUTMENT VỚI IMPLANT ANYRIDGE



Do **Abutment** được kết nối với **implant AnyRidge** bằng cơ chế hàn lạnh và côn Morse 5 độ nên sẽ có những lưu ý đặc biệt

01. THẢO VÍT

Dùng cây **Hand Driver** (có sẵn trong Kit AnyRidge) lấy con vít kết nối ra (vít sẽ phải đi qua 2 ren là ren của **Implant** và **Abutment**).



1. Dùng **Hand Driver** (có trong bộ Kit) để tháo vít. ①
2. Xoay ngược kim đồng hồ tới khi cảm giác vít không lên được nữa mà xoay tại chỗ. ②
3. Ấn chặt tay vận xuống khít với đầu vít. ③
4. Nâng nhẹ tay vận lên (~1mm) để vít bắt vào ren trong abutment, xoay ngược chiều kim đồng hồ đến khi ốc đi hết ren trong của abutment. ④
5. Tháo rời hoàn toàn ốc khỏi abutment. ⑤

02. THẢO ABUTMENT

Sau khi tháo vít, abutment không thể tự tháo rời khỏi implant

=> Lắp **Abutment Remover Driver** (trong kit AnyRidge) xoay thuận chiều kim đồng hồ đến khi abutment rời khỏi implant (lực vận có thể tới 25N). ⑥

Removal Driver AnyRidge
TANMRD18 (Short): 1.680.000d
TANMRD25 (Long): 1.680.000d



Quét mã QR để xem chi tiết



CHỈ ĐỊNH SIẾT LỰC

IMPLANT ANYRIDGE



LỰC QUÁ LỚN CÓ THỂ GÂY BIẾN DẠNG,
khuyến cáo sử dụng lực nhỏ hơn hoặc bằng 50 Ncm với những Implant AnyRidge nhỏ (đường kính lõi 2.8mm) và Mini Implant (3.0mm)



LƯU Ý:

Vận quá lực có thể gây tổn hại không hoàn nguyên ở kết nối và/hoặc nút Implant

Với Implant AnyRidge đường kính nhỏ [Nhỏ hơn hoặc bằng 3.5mm (lõi 2.8mm)], lực đặt Implant tối đa được khuyến cáo là 50 Ncm để tránh tổn hại cấu trúc của Implant.

Tên / Tên Thường Gọi

Chỉ định siết lực

Cover Screw [AR] <i>Ốc cover</i>	Bằng tay 5-8Ncm
Healing Abutment [AR] <i>Nút lành thương</i>	Bằng tay 5-8Ncm
Healing Abutment [AR] - Anatomic <i>Nút lành thương theo vị trí răng</i>	Bằng tay 5-8Ncm
Healing Cap [AR] <i>Healing cap</i>	Bằng tay 5-8Ncm
Scan Abutment [AR] <i>Đồ lấy dấu digital</i>	Bằng tay 5-8Ncm
Scan Healing Abutment [AR] <i>Đồ lấy dấu digital trên healing</i>	Bằng tay 5-8Ncm
Multi Post Screw [AR] <i>Ốc vạt trên phục hình hình Multi</i>	Bằng tay 5-8Ncm
Temporary Cylinder [CM] <i>Temporary tạm Multi</i>	15Ncm
CCM Cylinder [CM] <i>Cylinder cố định Multi</i>	15Ncm
Multi-unit Angled Abutment [CM] <i>Multi nghiêng</i>	25Ncm
Temporary Abutment [AR] <i>Abutment tạm</i>	25Ncm

Tên / Tên Thường Gọi

Chỉ định siết lực

Fuse Abutment [AR] <i>Abutment tạm</i>	25Ncm
Meg-Ball Abutment [AR] <i>Meg-Ball abutment tháo lắp</i>	35Ncm
Meg-Loc Abutment [AR] <i>Meg-Loc abutment tháo lắp</i>	35Ncm
Meg-Magnet Abutment [AR] <i>Meg-Magnet abutment tháo lắp</i>	35Ncm
Milling Abutment [AR] <i>Milling Abutment</i>	35Ncm
Multi-unit Abutment [CM] <i>Multi thẳng</i>	35Ncm
Angled Abutment [AR] <i>Abutment nghiêng</i>	35Ncm
EZ Post Abutment [AR] <i>Abutment thẳng</i>	35Ncm
TiGEN Abutment [AR] <i>Customized abutment</i>	35Ncm
ZrGEN Abutment [AR] <i>Zirconia abutment</i>	35Ncm

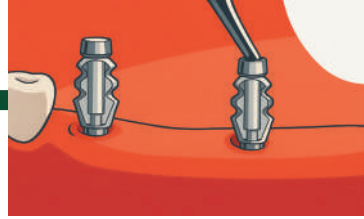
QUY TRÌNH LẤY DẤU TRUYỀN THỐNG

IMPLANT ANYRIDGE

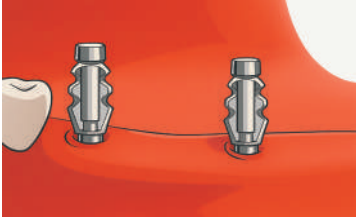
KỸ THUẬT LẤY DẤU KHAY MỞ



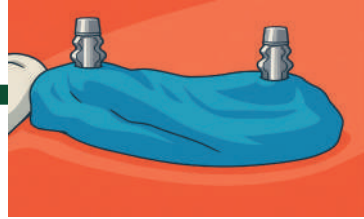
Impression Coping



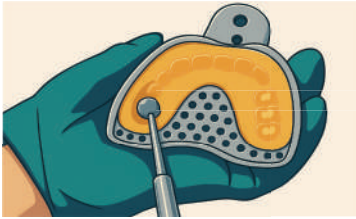
Chọn và gắn Impression Coping có cùng đường kính với Healing Abutment.



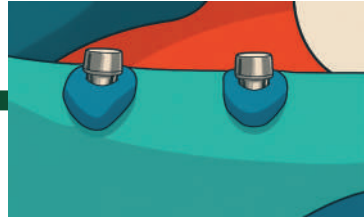
Sau khi gắn
Impression Coping



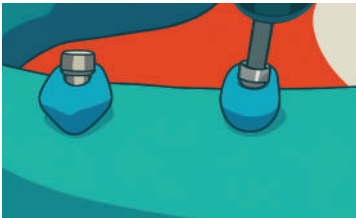
Bơm vật liệu lấy dấu xung
quanh Impression Coping



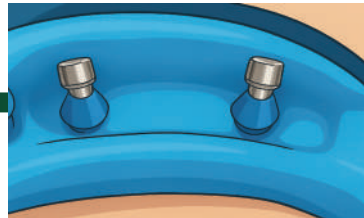
Bơm vật liệu lấy dấu vào
khay lấy dấu



Lấy dấu
(sử dụng khay có lỗ)



Tháo vít của Impression Coping
trước khi tháo khay lấy dấu.

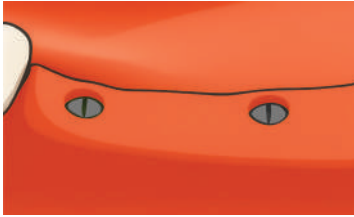


Mặt trong của Impression Coping
sẽ được lấy ra cùng với khay

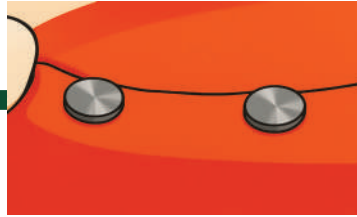
QUY TRÌNH LẤY DẤU TRUYỀN THỐNG

IMPLANT ANYRIDGE

KỸ THUẬT LẤY DẤU KHAY ĐÓNG



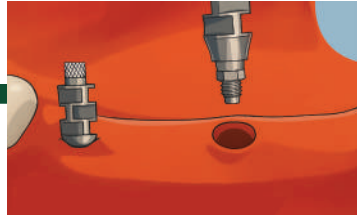
Tháo vít đậy (nếu là phẫu thuật 2 thì) và gắn Healing Abutment



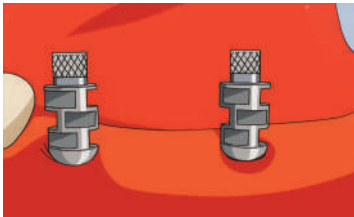
Mô mềm hình thành xung quanh Healing Abutment



Chọn Impression Coping loại transfer



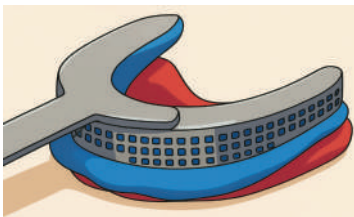
Gắn Impression Coping có cùng đường kính với Healing Abutment.



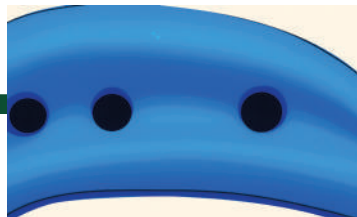
Sau khi đã gắn Impression Coping



Bơm vật liệu lấy dấu quanh Impression Coping



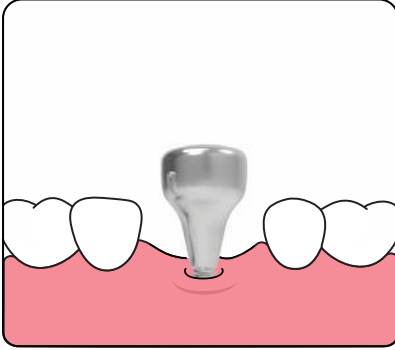
Tiến hành lấy dấu bằng khay



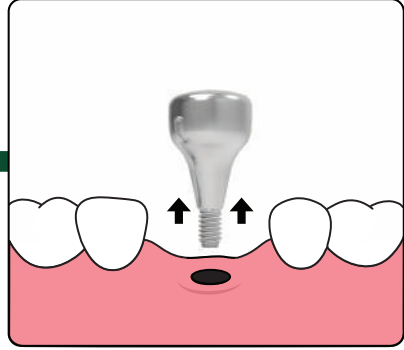
Quan sát mặt trong của dấu, chú ý phẳng được in lại trên vật liệu lấy dấu

QUY TRÌNH LẤY DẤU KỸ THUẬT SỐ

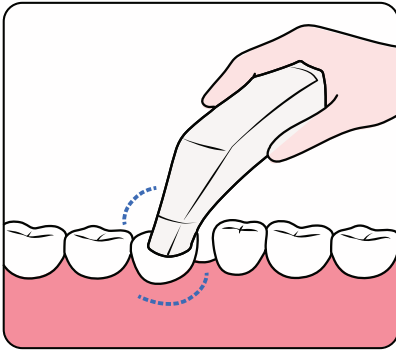
IMPLANT ANYRIDGE



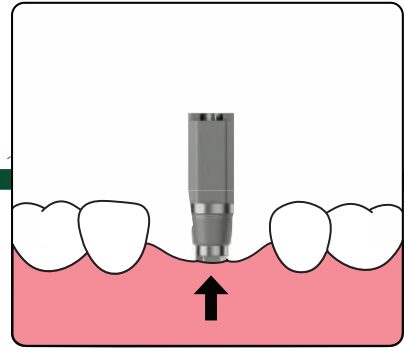
Đặt Healing tạo đường viền nướu



Tháo healing và đặt Scanbody vào để Scan
(Lưu ý gắn scan vào đúng Hex lục giác của implant)



Scan trên vị trí implant đã gắn trên Scan body
(Lưu ý scan rõ vị trí nướu xung quanh implant và scanbody.
Scan luôn cả hàm dưới, hàm trên & hàm đối)



Tháo Scanbody và đặt lại healing



Quét mã QR để truy cập vào thư viện



Gửi thư viện của implant và mẫu Scan sang cho lab.

HƯỚNG DẪN THƯ VIỆN R2 GATE

1

Truy cập Link thư mục:
<https://www.r2gate.com/cad-cam/288>

Quét mã QR để truy cập vào thư viện



Search...

3

CATEGORIES

> R2 GATE

> 3SHAPE

> EXOCAD

> DENTAL WINGS

Contact Information(연락처)

Email : ts@r2gate.com

COMPANY

MEGAGEN

SYSTEM

-

LAST UPDATE

11 Oct.2019

AUTHOR

서영준

SUBJECT

Library Install & Users guide

DESCRIPTION

1. exocad Library install guide

2. 3shape Library install guide

3. Scan Healing Abutment Library use guide

4. 3shape EZ Post Library use guide

5. 3shape How to use for download center

6. PMMA Abutment & Cuff TIGEN Millbox install guide

7. MegaGen Digital Library Guide book

8. MegaGen Library Selection Guide

Non-Discloser Agreement

Please read this carefully and accept all the terms and conditions below prior to downloading and using digital libraries. By downloading the digital libraries, you agree to consent to its terms. If you DO NOT agree to be bound by all such terms, click the "CANCEL" button and DO NOT download any library.

As a "USER", you shall fully understand that this library and relative information are properties of MegaGen Implant Co., Ltd and shall be solely used for personal, non-commercial use. MegaGen Implant Co., Ltd is, and shall at all times remain, the sole owner of all intellectual property and other rights (whether proprietary or otherwise) subsisting in, or used in connection with all digital libraries.

The USER shall not re-create, distribute, adapt and/or modify the libraries and relative information (i.e., images, drawings, files, etc.) to any person without the consent of MegaGen Implant Co., Ltd

☐ Agree

ATTACHED FILES

[ENG] exocad library install_20190723.pdf

[ENG] 3shape Library Install guide_20190723.pdf

[ENG] Scan Healing Abutment User Guide_20190726.pdf

[ENG] 3shape EZ Post library use guide_20190906.pdf

[ENG] How to use 3shape library download center_Ver1.1.pdf

[ENG] Millbox Blk install guide_20230425.pdf

[ENG] Megagen Library Selection Guide_EN.pdf

[ENG]2024_MegaGen_Digital_Library_Guide book_Rev3.1_202402_Digital.pdf

2

Truy cập vào **EXOCAD** hoặc **3SHAPE** tìm tải file phụ kiện tương ứng

Search...

3

CATEGORIES

> R2 GATE

> 3SHAPE

> EXOCAD

> DENTAL WINGS

Contact Information(연락처)

Email : ts@r2gate.com

CAD/CAM LIBRARY

EXOCAD list

NO	COMPANY	SYSTEM	SUBJECT	LAST UPDATE	AUTHOR
	Notice	MEGAGEN	Notice	라이브러리 설치 & 사용자 가이드	08 Feb. 2024 서영준
	Notice	MEGAGEN	Notice	Library Install & Users guide	11 Oct. 2019 서영준
31	AXA(For BlueDiamond)	Scan Body / Scan Cap / Scan Bar / Reverse Scan Body	AXA Abutment (Stock Abutment - SRP type)	19 Jun. 2024	서영준
30	AXA(For ARIExcon)	Scan Body / Scan Cap / Scan Bar / Reverse Scan Body	AXA Abutment (Stock Abutment - SRP type)	19 Jun. 2024	서영준

HƯỚNG DẪN THƯ VIỆN R2 GATE

Truy cập vào **EXOCAD** hoặc **3SHAPE** tìm tải file phụ kiện tương ứng

CAD/CAM LIBRARY

Search

3SHAPE list

CATEGORIES

- > R2 GATE
- > 3SHAPE
- > EXOCAD
- > DENTAL WINGS

Contact Information(연락처)
Email : ts@r2gate.com

NO	COMPANY	SYSTEM	SUBJECT	LAST UPDATE	AUTHOR
Notice	MEGAGEN	Notice	레이브러리 설치 & 사용자 가이드	08 Feb 2024	서명준
Notice	MEGAGEN	Notice	Library install & Users guide	11 Oct 2019	서명준
31	AXA(For BlueDiamond)	Scan Body / Scan Cap / Scan Bar / Reverse Scan Body	AXA Abutment (Stock Abutment - SRP type) with Single Type	19 Jun 2024	서명준

Phần mềm	Dòng implant	Thư viện	Truy cập thư mục
3shape	Implant ST	Scan abutment	ST - Scan Abutment - ZrGEN/TIGEN (Ti-base/Pre-milled blank) Chọn: Megagen_ST_M_R_Scan_Analog 2piece.zip
3shape	Implant ST	Digital analog (2 piece)	ST - Scan Abutment - ZrGEN / TIGEN (Ti-base / Pre-milled blank). Chọn: Megagen_ST_M_R_Scan_Analog 2piece.zip
3shape	Implant ST	Tibase + Premill	ST - Scan Abutment - ZrGEN / TIGEN (Ti-base / Pre-milled blank). Chọn: Megagen_ST_M_R_SHA_Head_ZrGEN_TIGEN_Custom abutment.zip
3shape	Implant ST	EZ post abutment	ST - Stock Abutment - EZ Post (Stock abutment) Chọn: MegaGen_ST_EZ Post_EZ Post_Rev2.dme
3shape	Implant AnyRidge	Scan abutment	AnyRidge - Stock abutment - EZ Post (Stock abutment) Chọn: MEGAGEN_AnyRidge_Scanbody_EZpost.zip
3shape	Implant AnyRidge	Digital analog (2 piece)	AnyRidge - Scan abutment / Scan Healing Abutment - ZrGEN / TIGEN (Ti-base / Pre-milled blank). Chọn: MEGAGEN_AnyRidge_Custom abutment_Analog(2piece).zip
3shape	Implant AnyRidge	Tibase + Premill	AnyRidge - Scan abutment / Scan Healing Abutment - ZrGEN / TIGEN (Ti-base / Pre-milled blank) . Chọn: MEGAGEN_AnyRidge_Custom abutment.zip
3shape	Multi	Scan abutment multi	MUA - Scan abutment - ZrGEN (Ti base) Chọn: MegaGen_MUA_N_Bar.zip
3shape	Multi	Digital analog (2 piece)	MUA - Scan abutment - ZrGEN (Ti base). Chọn: MEGAGEN_MUA_N type_Custom abutment_Analog(2piece).zip
3shape	Multi	Zrgen	MUA - Scan abutment - ZrGEN (Ti base). Chọn: MEGAGEN_MUA_N type_Custom abutment_Analog(2piece).zip

HƯỚNG DẪN THƯ VIỆN R2 GATE

Phần mềm	Dòng implant	Thư viện	Truy cập thư mục
Exocad	Implant ST	Scan abutment	ST - Stock abutment - EZ Post (Stock abutment) Chọn: MegaGen_ST_Scanbody_EZpost.zip
Exocad	Implant ST	Digital analog (2 piece)	ST - Scan abutment / Scan Healing Abutment - ZrGEN / TiGEN (Ti-base / Pre-milled blank). Chọn: MGG_STM_R_SHA_ZGTG_Analog(2piece)- tolerance_0_70.zip
Exocad	Implant ST	Digital analog RP	ST - Stock abutment - EZ Post (Stock abutment) Chọn: MegaGen_ST_EZpost_RP.zip
Exocad	Implant ST	Tibase + Premill	ST - Scan abutment / Scan Healing Abutment - Cuff TiGEN (Pre-milled blank with Cuff). Chọn: MegaGen_ST_Mini,Regular_Cust_Abt_9,13mm(Cuff_TiGEN).zip
Exocad	Implant ST	EZ post abutment	ST - Stock abutment - EZ Post (Stock abutment) Chọn: MegaGen_ST_Scanbody_EZpost.zip
Exocad	Implant AnyRidge	Scan abutment/ Scan Healing Abutment	AnyRidge - Stock abutment - EZ Post (Stock abutment) Chọn: MEGAGEN_AnyRidge_Scanbody_EZpost.zip
Exocad	Implant AnyRidge	Digital analog (2 piece)	AnyRidge - Scan abutment / Scan Healing Abutment - ZrGEN / TiGEN (Ti-base / Pre-milled blank). Chọn: MegaGen_AnyRidge_Analog(2piece).zip
Exocad	Implant AnyRidge	Digital analog RP	AnyRidge - Scan abutment / Scan Healing Abutment - ZrGEN / TiGEN (Ti-base / Pre-milled blank) Chọn: MegaGen_AR_Cust_Abt_RP - tolerance 0-70.zip
Exocad	Implant AnyRidge	Tibase + Premill	AnyRidge - Scan abutment / Scan Healing Abutment - ZrGEN / TiGEN (Ti-base / Pre-milled blank). Chọn: MegaGen_AR_Cust_Abt.zip
Exocad	Implant AnyRidge	EZ post abutment	AnyRidge - Stock abutment - EZ Post (Stock abutment) Chọn: MEGAGEN_AnyRidge_EZpost_EZpost.zip
Exocad	Multi	Scan abutment multi	MUA - Scan abutment - ZrGEN (Ti base) Chọn: MegaGen_MUA_N_Type_Bar_13mm.zip
Exocad	Multi	Digital analog (2 piece)	MUA - Scan abutment - ZrGEN (Ti base) Chọn: MegaGen_MUA_N_Type_Cust_Abt.zip
Exocad	Multi	Digital analog RP	MUA - Scan abutment - ZrGEN (Ti base) Chọn: MegaGen_MUA_N_Type_Bar_13mm.zip
Exocad	Multi	Zrgen	MUA - Scan abutment - ZrGEN (Ti base) Chọn: MegaGen_MUA_N_Type_Cust_Abt.zip
Exocad	Multi	Screw	MUA - Scan abutment - ZrGEN (Ti base) Chọn: MegaGen_MUA_N_Type_Bar_13mm.zip

DANH SÁCH HÀNG MƯỢN

MÁY CẮM IMPLANT ĐÃ KÈM TAY KHOAN



Mã: Implant Air

Tồn kho Hồ Chí Minh	1
Tồn kho Hà Nội	1
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

MÁY CẮM IMPLANT



Mã: MINIYNIKO

Tồn kho Hồ Chí Minh	0
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	1
Số lượng được mượn	1

TAY KHOAN NHA KHOA



Mã: KX95L_HP-L004

Tồn kho Hồ Chí Minh	1
Tồn kho Hà Nội	2
Tồn kho Đà Nẵng	1
Số lượng được mượn	1

KIT IMPLANT ANYRIDGE



Mã: KARIN3001

Tồn kho Hồ Chí Minh	0
Tồn kho Hà Nội	2
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

KIT IMPLANT ANYRIDGE



Mã: KARIN3003

Tồn kho Hồ Chí Minh	0
Tồn kho Hà Nội	1
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

KIT IMPLANT ST



Mã: KSTIN3000

KIT MĂNG IMPLANT ANYRIDGE



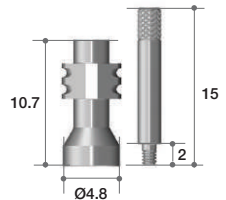
Mã: KAGIN3000

KIT MĂNG IMPLANT ANYONE



Mã: KAGIN3001

COPING MULTI



Mã: MUAICT

Tồn kho Hồ Chí Minh	7
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	2

DANH SÁCH HÀNG MƯỢN

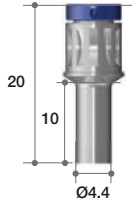
LAB ANALOG MULTI



Mã: MUALA

Tồn kho Hồ Chí Minh	6
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	2

CÂY VẬN MULTI THẲNG



Mã: MUD10

Tồn kho Hồ Chí Minh	
Tồn kho Hà Nội	
Tồn kho Đà Nẵng	
Số lượng được mượn	1

HEALING AR Ø5.0, H=4



Mã: AANHAF0504

Tồn kho Hồ Chí Minh	
Tồn kho Hà Nội	1
Tồn kho Đà Nẵng	
Số lượng được mượn	1

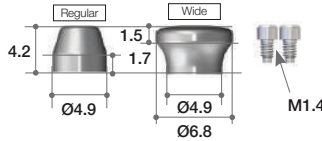
HEALING AR Ø4.0, H=4



Mã: AANHAF0404

Tồn kho Hồ Chí Minh	
Tồn kho Hà Nội	1
Tồn kho Đà Nẵng	
Số lượng được mượn	1

HEALING CAP



Mã: MUAHCWL

Tồn kho Hồ Chí Minh	2
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

LAB ANALOG ST



Mã: STTLA400

Tồn kho Hồ Chí Minh	2
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

HAND DRIVER (SHORT)



Mã: TCMHDS1600

Tồn kho Hồ Chí Minh	1
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

RATCHET CONNECTOR (NGẮN) ĐỂ GẮN BALL ABUTMENT VÀO TRỤ



Mã: TBR250S

Tồn kho Hồ Chí Minh	0
Tồn kho Hà Nội	1
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

BỘ KIT NẰNG XOANG HỖ MILA



Mã: KLSCN3000

Tồn kho Hồ Chí Minh	1
Tồn kho Hà Nội	1
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

DANH SÁCH HÀNG MƯỢN

BỘ TRIMMER KIT DÙNG NÂNG XOANG



Mã: BT-5034

Tồn kho Hồ Chí Minh	1
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

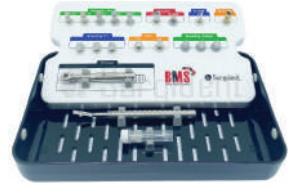
BỘ KIT NÂNG XOANG KÍN MICA



Mã: SGIS3000

Tồn kho Hồ Chí Minh	0
Tồn kho Hà Nội	1
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

BỘ KIT NONG TÁCH CHÊ XƯƠNG



Mã: SD-BMS

Tồn kho Hồ Chí Minh	0
Tồn kho Hà Nội	1
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

BỘ KIT HƯỚNG DẪN CHỌN ABUTMENT



Mã: KANASG3000

Tồn kho Hồ Chí Minh	0
Tồn kho Hà Nội	1
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

BỘ KIT XỬ LÝ CHÂN RĂNG HỒNG



Mã: KPSCS3000

Tồn kho Hồ Chí Minh	0
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	1
Số lượng được mượn	1

MŨI KIM CƯƠNG - DIAMOND DRILL [CM]



Mã: 1DD1607

Tồn kho Hồ Chí Minh	1
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

MŨI KIM CƯƠNG - DIAMOND DRILL [CM]



Mã: 1DD1911

Tồn kho Hồ Chí Minh	1
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

MŨI KIM CƯƠNG - DIAMOND DRILL [CM]



Mã: 2DD2029

Tồn kho Hồ Chí Minh	1
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

MŨI KIM CƯƠNG - DIAMOND DRILL [CM]



Mã: 2DD3029

Tồn kho Hồ Chí Minh	1
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

MŨI KIM CƯƠNG - DIAMOND DRILL [CM]



Mã: 3DD20H

Tồn kho Hồ Chí Minh	1
Tồn kho Hà Nội	0
Tồn kho Đà Nẵng	0
Số lượng được mượn	1

QUY ĐỊNH MƯỢN HÀNG

XÁC ĐỊNH TÌNH TRẠNG HÀNG MƯỢN



Thông tin

Thông tin về tình trạng hàng được cập nhật vào phiếu mượn



Kiểm tra

Kiểm tra và ghi nhận tình trạng thực tế của hàng mượn trước khi giao/nhận (bao gồm hình ảnh, số lượng kèm theo).

THỜI GIAN MƯỢN



Đối với các nha khoa tại nội thành Hà Nội và Hồ Chí Minh, thời gian mượn tối đa là 3 ngày (Đã bao gồm thời gian đi và về)



Đối với các nha khoa ở tỉnh, thành phố khác, thời gian mượn tối đa là 5 ngày (Đã bao gồm thời gian đi và về).

LƯU Ý



Trách nhiệm bảo quản

Khách hàng chịu trách nhiệm đối với việc mất mát hoặc hư hỏng sẽ đền bù theo giá bán bình thường của Tín Nha.



Phí vận chuyển

Khách hàng sẽ chịu chi phí vận chuyển cho cả 2 chiều: đi và về.



Vệ sinh sản phẩm

Khách hàng vui lòng vệ sinh sản phẩm trước khi trả hàng

THỨ 2 - THỨ 7

Thời gian làm việc
Thứ 2 - Thứ 7

08:00 – 17:30

CHỦ NHẬT



Hỗ trợ giao hàng
Chủ nhật (trừ ngày lễ)

Áp dụng tại khu vực:
TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội

Tín Nha xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã tin tưởng và đồng hành cùng Tín Nha.



TRẢI NGHIỆM ĐỔI CÁC DÒNG IMPLANT MEGAGEN VÀ PHỤ KIỆN

(với chi phí bù chênh lệch hợp lý)

Khi mua hợp đồng tại Tín Nha, bác sĩ có thể

linh hoạt đổi giữa các dòng implant như ST, AnyRidge, Ari và Blue Diamond với phần chi phí bù chênh lệch tương ứng (không quá 10% hợp đồng).

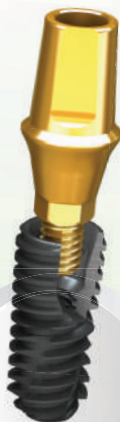


BỨT PHÁ GIỚI HẠN VỀ
ĐỘ BỀN VÀ ĐỘ ỔN ĐỊNH



ANYRIDGE®
by MEGA'GEN

CHUYÊN DÙNG CHO TẢI LỰC
TỨC THÌ VÀ XƯƠNG XỐP



ST™
by MEGA'GEN

DẠNG PHỔ THÔNG
VỚI CHI PHÍ TỐI ƯU



ARI®
by MEGA'GEN

GIẢI PHÁP MỚI CHO SỐNG HÀM
TEO HÉP VÙNG RĂNG TRƯỚC

Ngoài ra, bác sĩ cũng có thể linh hoạt **đổi phụ kiện** (healing, abutment, scan body...) hoặc **quy đổi sang mặt hàng** khác trước khi chốt hợp đồng